

Đơn vị thực hiện



BlueScope

CEO FORUM

# SƠ LƯỢC THAY ĐỔI QCVN 06-2022 ĐỐI VỚI NHÀ XƯỞNG THÉP

Bảo trợ truyền thông

**Kinh tế Saigon**  
TRUYỀN THÔNG VÀ TƯ VẤN

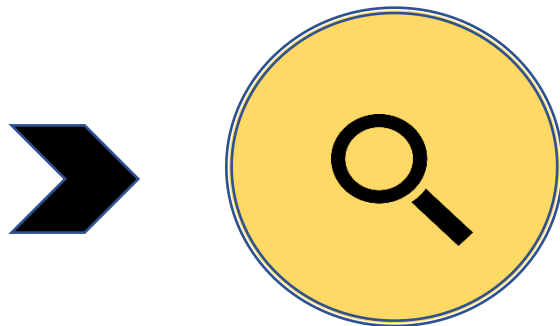
# NỘI DUNG



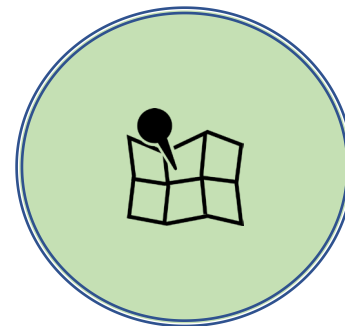
**HẠNG SẢN XUẤT,  
BẬC CHỊU LỬA**



**CÁC THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN  
NHÀ THÉP CÔNG NGHIỆP**



**KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI,  
CÁCH THÁO GỖ**



Đơn vị thực hiện



CEO FORUM

# HẠNG SẢN XUẤT BẬC CHỊU LỬA

Bảo trợ truyền thông



# HẠNG SẢN XUẤT LÀ GÌ?



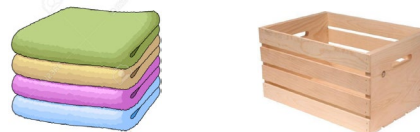
**HẠNG A**



**HẠNG B**



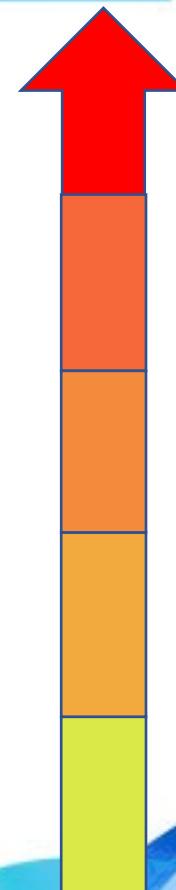
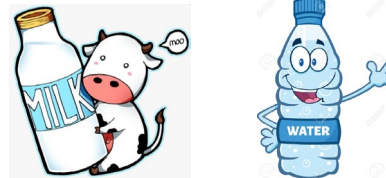
**HẠNG C**



**HẠNG D**



**HẠNG E**



Lưu ý: Nhà bố trí nhiều công năng khác nhau thì hạng sản xuất xác định theo % và diện tích phòng

# BẬC CHỊU LỬA LÀ GÌ?

Bảng 4 - Sự phù hợp giữa bậc chịu lửa của nhà, công trình và khoang cháy với giới hạn chịu lửa của cấu kiện xây dựng của nhà, công trình và khoang cháy

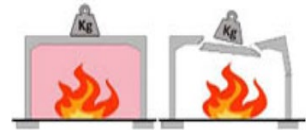
| Bậc chịu lửa của nhà, công trình và khoang cháy | Giới hạn chịu lửa của cấu kiện, không nhỏ hơn             |                            |  |   |                  |  |                          |
|---|---|----------------------------|--|---|------------------|--|--------------------------|
|   | Tường chịu lực, cột chịu lực và các bộ phận chịu lực khác | Tường ngoài không chịu lực | Sàn tầng (bao gồm cả sàn tầng áp mái và sàn trên tầng hầm) | Kết cấu mái không có tầng áp mái          |                  | Các cấu kiện xây dựng của buồng thang bộ |                          |
|   |   |                            |  | Tấm lợp (kể cả tấm lợp có lớp cách nhiệt) | Giàn, dầm, xà gỗ | Tường trong                              | Bản thang và chiếu thang |
| I   | R 120   | E 30                       | REI 60   | RE 30                                     | R 30             | REI 120                                  | R 60                     |
| II  | R 90  | E 15                       | REI 45   | RE 15                                     | R 15             | REI 90                                   | R 60                     |
| II  | R 45  | E 15                       | REI 45   | RE 15                                     | R 15             | REI 60                                   | R 45                     |
| IV  | R 15  | E 15                       | REI 15   | RE 15                                     | R 15             | REI 45                                   | R 15                     |
| V   | Không quy định  |                            |  |   |                  |  |                          |



Đặc trưng phân bậc của nhà, công trình và khoang cháy, được xác định bởi giới hạn chịu lửa của các kết cấu/ cấu kiện sử dụng để xây dựng.

**Lưu ý: Bậc chịu lửa và cấp công trình là 2 khái niệm độc lập nhau**

# R, E, I, W LÀ GÌ?



**R**

**R: Load bearing capacity**  
Khả năng chịu tải



**E**

**E: Integrity/ Fire nonconductive**  
Tính toàn vẹn/ Ngăn lửa & khí nóng truyền qua



**EI**

**I: Thermal insulation**  
Khả năng cách nhiệt  
Hạn chế sự tăng nhiệt độ



**REI**



**EW**

**W:** Khả năng hạn chế bức xạ nhiệt dành cho kính



# NÂNG BẬC CHỊU LỬA ĐỂ NÂNG DIỆN TÍCH KHOANG CHÁY

**TẠI SAO  
PHẢI NÂNG  
BẬC CHỊU LỬA**



Nâng diện tích  
khoang cháy



Bảng H.11 – Nhà kho

| Hạng nguy hiểm cháy nổ của nhà hoặc khoang cháy | Chiều cao lớn nhất cho phép của nhà <sup>1)</sup> , m | Bậc chịu lửa của nhà | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà | Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy, m <sup>2</sup> |            |                    |
|---|---|----------------------|------------------------------------|--|------------|--------------------|
|   |   |                      |                                    | Nhà 1 tầng   | Nhà 2 tầng | Nhà 3 tầng trở lên |
| A   | Không quy định  | I, II                | S0                                 | 5 200  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | III                  | S0                                 | 4 400  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | IV                   | S0                                 | 3 600  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | IV                   | S2, S3                             | 75 <sup>2)</sup>   | –          | –                  |
| B   | 18  | I, II                | S0                                 | 7 800  | 5 200      | 3 500              |
|   | Không quy định  | III                  | S0                                 | 6 500  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | IV                   | S0                                 | 5 200  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | IV                   | S2, S3                             | 75 <sup>2)</sup>   | –          | –                  |
| C   | 36  | I, II                | S0                                 | 10 400   | 7 800      | 5 200              |
|   | 24  | III                  | S0                                 | 10 400   | 5 200      | 2 600              |
|   | Không quy định  | IV                   | S0, S1                             | 7 800  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | IV                   | S2, S3                             | 2 600  | –          | –                  |
|   | Không quy định  | V                    | Không quy định                     | 1 200  | –          | –                  |
| E   | Không giới hạn  | I, II                | S0                                 | Không giới hạn   | 10400      | 7800               |
|   | 36  | III                  | S0, S1                             | Không giới hạn   | 7800       | 5200               |
|   | 12  | IV                   | S0, S1                             | Không giới hạn   | 2200       | –                  |
|   | Không quy định  | IV                   | S2, S3                             | 5200   | –          | –                  |
|   | 9   | V                    | Không quy định                     | 2200   | 1200       | –                  |



# NÂNG BẬC CHỊU LỬA ĐỂ GIẢM KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC NHÀ

**TẠI SAO  
PHẢI NÂNG  
BẬC CHỊU LỬA**



Giảm khoảng cách  
giữa các nhà



Bảng E.2 – Khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà trong một cơ sở công nghiệp

| Bậc chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy kết cấu   | Khoảng cách giữa các nhà, m                             |                            |   |
|--|---|----------------------------|---|
|  | Bậc chịu lửa I và II. Bậc chịu lửa III và IV với cấp S0 | Bậc chịu lửa III và cấp S1 | Bậc chịu lửa III và cấp S2, S3. Bậc chịu lửa IV và cấp S1, S2, S3. Bậc chịu lửa V |
| 1. Bậc chịu lửa I và II. Bậc chịu lửa III và IV với cấp S0                           | Nhà hạng D và E: không quy định                         | 9                          | 12  |
|  | Nhà hạng A, B, C: 9 m (xem thêm chú thích 3)            |                            |   |
| 2. Bậc chịu lửa III và cấp S1  | 9   | 12                         | 15  |
| 3. Bậc chịu lửa III và cấp S2, S3. Bậc chịu lửa IV và cấp S1, S2, S3. Bậc chịu lửa V | 12  | 15                         | 18  |



# MỐI LIÊN QUAN GIỮA HẠNG SẢN XUẤT VÀ BẬC CHỊU LỬA

**HẠNG SẢN XUẤT -  
BẬC CHỊU LỬA**



- ✓ SỐ TẦNG
- ✓ HẠNG SẢN XUẤT
- ✓ DIỆN TÍCH KHOANG CHÁY



Bảng H.9 – Nhà sản xuất

| Hạng nguy hiểm cháy nổ của nhà hoặc khoang cháy | Chiều cao lớn nhất cho phép của nhà <sup>1)</sup> , m | Bậc chịu lửa của nhà | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà | Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy, m <sup>2</sup> |                               |                               |
|---|---|----------------------|------------------------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|
|   |   |                      |                                    | Nhà một tầng   | Nhà hai tầng                  | Nhà từ ba tầng trở lên        |
| A   | 36  | I, II                | S0                                 | Không hạn chế  | 5 200                         | 3 500                         |
|   | 24  | III                  | S0                                 | 7 800  | 3 500                         | 2 600                         |
|   | Không quy định  | IV                   | S0                                 | 3 500  | –                             | –                             |
| B   | 36  | I, II                | S0                                 | Không hạn chế  | 10 400                        | 7800                          |
|   | 24  | III                  | S0                                 | 7800   | 3 500                         | 2 600                         |
|   | Không quy định  | IV                   | S0                                 | 3500   | –                             | –                             |
| C   | Xem chú thích <sup>2)</sup>                           |                      |                                    |  |                               |                               |
|   | 48  | I, II                | S0                                 | Không hạn chế  | 25 000<br>7 800 <sup>3)</sup> | 10 400<br>5 200 <sup>3)</sup> |
|   | 24  | III                  | S0, S1                             | 25 000   | 10 400<br>5200 <sup>3)</sup>  | 5200<br>3600 <sup>3)</sup>    |
|   | 18  | IV                   | S0, S1                             | 25 000   | 10 400                        | –                             |
|   | 18  | IV                   | S2, S3                             | 2 600  | 2 000                         | –                             |
|   | 12  | V                    | SQĐ                                | 1200   | 600 <sup>4)</sup>             | –                             |

Đơn vị thực hiện



CEO FORUM

# CÁC THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN NHÀ THÉP CÔNG NGHIỆP

Bảo trợ truyền thông

**Kinh tế Saigon**  
TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO

# 1. KHÔNG BẮT BUỘC ÁP DỤNG QC CHO CÔNG TRÌNH CẢI TẠO, SỬA CHỮA



| QC06-2021  | QC06-2022   | Ghi chú  |
|--|---|--|
| Áp dụng cả khi thay mới & cải tạo, sửa chữa (đổi công năng, mặt bằng, kết cấu) | Chỉ áp dụng với các công trình cải tạo, sửa chữa khi làm tăng tính nguy hiểm cháy của công trình. | <b>1.1.4 Quy chuẩn 06/2022</b><br>Chỉ áp dụng với chiều hướng khi tăng tính nguy hiểm cháy |



Không cần áp dụng  
QC06-2022



## 2. THÊM QUY TRÌNH NẾU CẦN THAY ĐỔI QUY CHUẨN ÁP DỤNG

| QC06-2021   | QC06-2022  | Ghi chú  |
|---|--|--|
| Nếu thay đổi Quy chuẩn:<br>Luận chứng, giải pháp<br>→ cơ quan PCCC thẩm duyệt | Thay đổi yêu cầu Quy chuẩn:<br>Luận chứng, giải pháp<br>→ Bộ XD thống nhất, cơ quan PCCC<br>thẩm duyệt | <b>Thuận lợi:</b> Có tiếng nói chuyên ngành nói chung<br><b>Khó khăn:</b> Thêm quy trình |



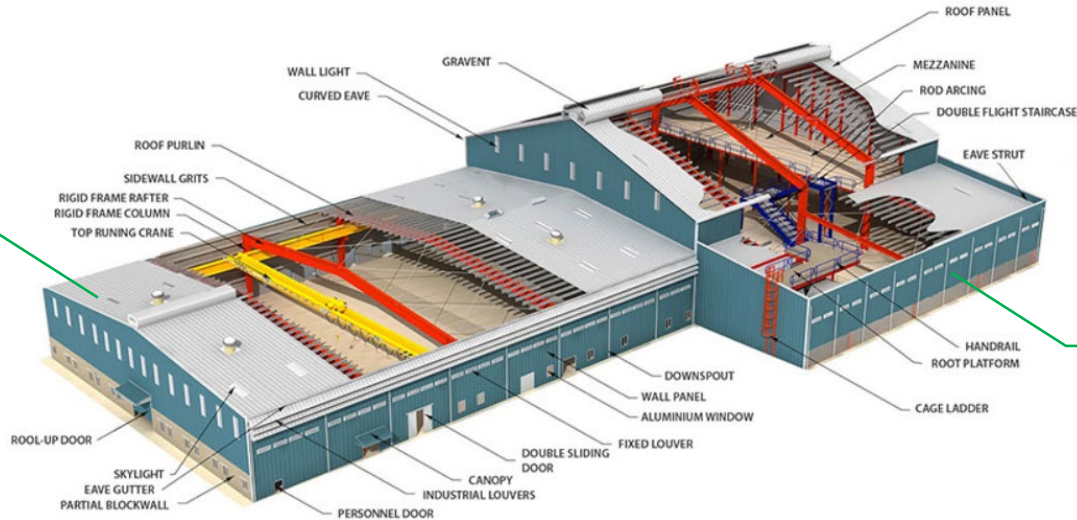
**Cục PCCC thẩm duyệt**



**Bộ XD thẩm duyệt**

### 3. THÊM ĐỊNH NGHĨA KHOANG CHÁY, THÊM Y/C CHO VẬT LIỆU BAO CHE

| QC06-2021  | QC06-2022   | Ghi chú   |
|--|---|---|
| <b>Bậc chịu lửa xác định bằng giới hạn chịu lửa</b> các kết cấu xây dựng chính | <b>Bậc chịu lửa của nhà, công trình, khoang cháy</b><br>Xác định bằng giới hạn chịu lửa các kết cấu/cấu kiện sử dụng để xây dựng nhà, công trình và khoang cháy đó. | Khó khăn: <b>Vật liệu bao che phải đáp ứng yêu cầu chịu lửa thì mới đạt được bậc chịu lửa</b> |



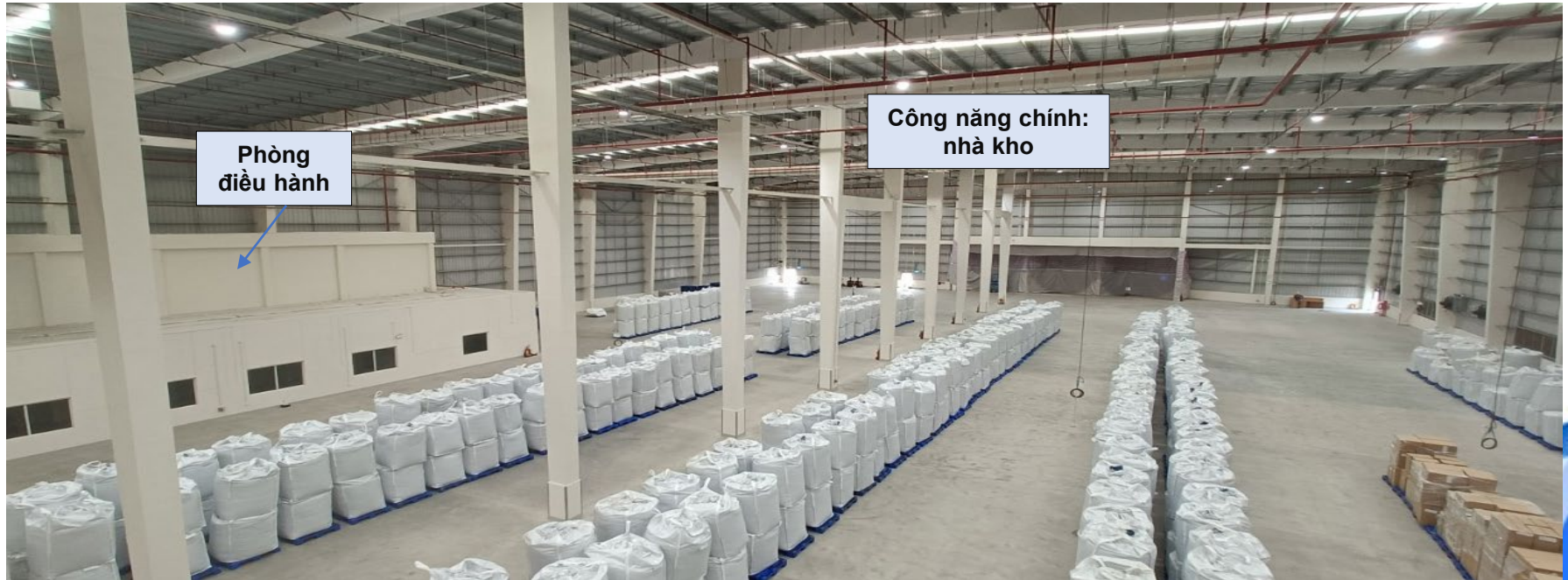
Mái lợp

Vách bao che





## 4. KHÔNG CẦN VÁCH NGĂN CHÁY KHI CÔNG NĂNG PHỤ <10%

| QC06-2021                                   | QC06-2022   | Ghi chú                                  |
|---|---|--|
| Công năng khác nhau, phải có vách ngăn cháy | Không cần vách ngăn cháy khi: <ul style="list-style-type: none"><li>• Công năng phụ &lt;10% (Quản đốc, lấy mẫu, vệ sinh...)</li><li>• Công năng chính &gt;90%</li></ul> | Tạo điều kiện dễ hơn cho nhà công nghiệp |



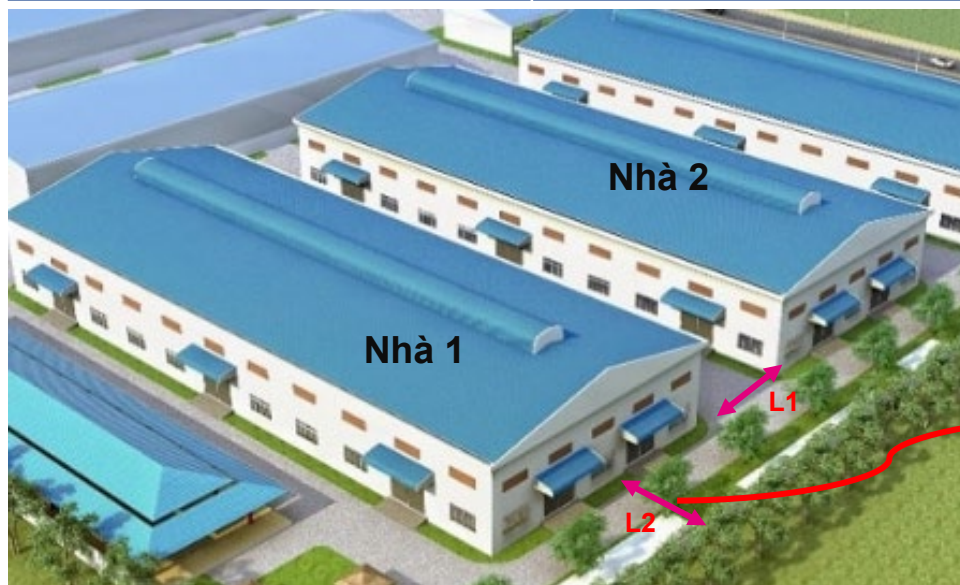
## 5. GIẢM YÊU CẦU CHỊU LỬA VỚI KÍNH, MÀN NGĂN CHÁY

| QC06-2021  | QC06-2022   | Ghi chú  |                   |  |       |  |       |  |       |                         |
|--|---|--|-------------------|--|-------|--|-------|--|-------|-------------------------|
| Cửa EI (không phân biệt có kính hay không)   | <p>Cửa EI, kính EW</p>    | Tạo điều kiện cho vật liệu kính (đạt W dễ hơn đạt I) |                   |  |       |  |       |  |       |                         |
| Màn ngăn cháy phải EI 60   | <p><b>Bảng 2 – Giới hạn chịu lửa của các bộ phận chèn bịt của bộ phận ngăn cháy</b></p> <table border="1" data-bbox="407 754 1557 980"> <thead> <tr> <th data-bbox="407 754 826 836">Các bộ phận chèn bịt lỗ mở của bộ phận ngăn cháy</th> <th data-bbox="826 754 1213 836">Giới hạn chịu lửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="407 836 826 980">1. Cửa đi (trừ cửa đi có tỉ lệ diện tích kính lớn hơn 25 % diện tích cửa đi và cửa kín khói), cửa nắp, van ngăn cháy <sup>1)</sup>, màn ngăn cháy</td> <td data-bbox="826 836 1213 871">EI 60</td> </tr> <tr> <td></td> <td data-bbox="826 871 1213 906">EI 30</td> </tr> <tr> <td></td> <td data-bbox="826 906 1213 941">EI 15</td> </tr> </tbody> </table>  | Các bộ phận chèn bịt lỗ mở của bộ phận ngăn cháy     | Giới hạn chịu lửa | 1. Cửa đi (trừ cửa đi có tỉ lệ diện tích kính lớn hơn 25 % diện tích cửa đi và cửa kín khói), cửa nắp, van ngăn cháy <sup>1)</sup> , màn ngăn cháy | EI 60 |  | EI 30 |  | EI 15 | Mở rộng phạm vi áp dụng |
| Các bộ phận chèn bịt lỗ mở của bộ phận ngăn cháy   | Giới hạn chịu lửa   |  |                   |  |       |  |       |  |       |                         |
| 1. Cửa đi (trừ cửa đi có tỉ lệ diện tích kính lớn hơn 25 % diện tích cửa đi và cửa kín khói), cửa nắp, van ngăn cháy <sup>1)</sup> , màn ngăn cháy | EI 60   |  |                   |  |       |  |       |  |       |                         |
|  | EI 30   |  |                   |  |       |  |       |  |       |                         |
|  | EI 15   |  |                   |  |       |  |       |  |       |                         |



## 6. GIẢM YÊU CẦU CHỐNG CHÁY CỦA TƯỜNG NGOÀI KHI THỎA ĐIỀU KIỆN

| QC06-2021  | QC06-2022   | Ghi chú   |
|--|---|---|
| Diện tích tường ngoài không bảo vệ đến 40%<br>Tường ngoài E15/30 | Tường ngoài không yêu cầu chống cháy khi thỏa đủ các điều kiện:<br>Nhà có sprinkler; Khoảng cách theo phụ lục E; Tường ngoại vật liệu không cháy cấp K0 | Theo chú thích 6 bảng 4, QC06:2022<br>Tạo điều kiện cho nhà Công nghiệp |



Min 3m; hạng A, B là 9m

## 7. BỔ YÊU CẦU CHỐNG CHÁY CỦA TẦM LỢP MÁI KHI CHIỀU CAO MÁI >6.1M



| QC06-2021                       | QC06-2022  | Ghi chú                           |
|---------------------------------|--|-----------------------------------|
| Lợp mái RE15/30<br>Xà gồ R15/30 | Tầm lợp mái (kể cả xà gồ, cách nhiệt) cách sàn nhà tối thiểu 6.1m thì không yêu cầu.<br>Áp dụng cho nhà kho, nhà sản xuất F5 hạng D, E; trụ ở, sân vận động, nhà ga. | Tạo điều kiện cho nhà công nghiệp |



Min 6.1 m

## 8. GIẢM YÊU CẦU BÃI ĐỖ XE PCCC KHI VƯỞNG CẦU ỐNG, GIÁ ĐỖ

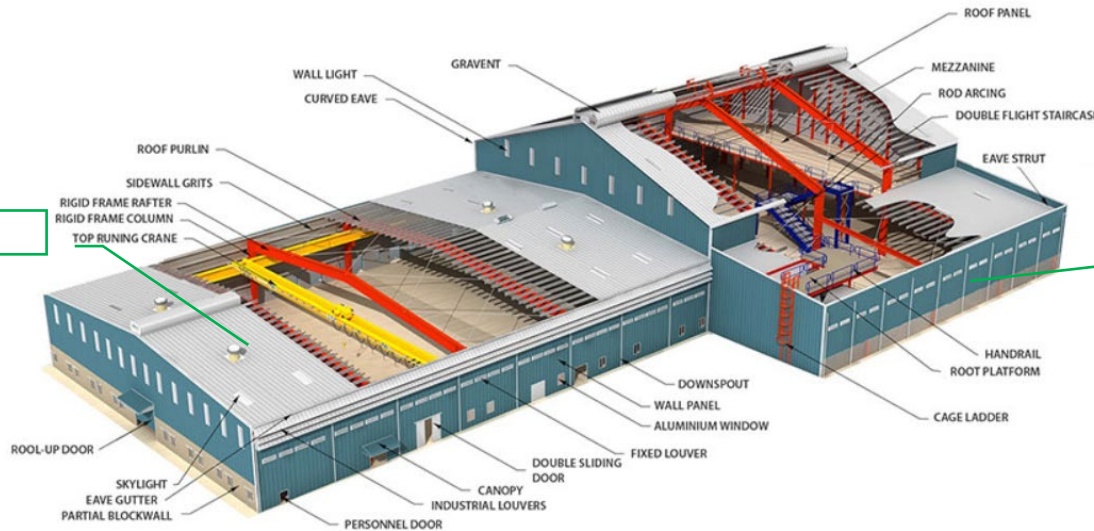
| QC06-2021                              | QC06-2022                         | Ghi chú   |
|--|-----------------------------------|---|
| Đường và bãi đỗ khó bố trí theo chu vi | Cho phép bố trí không theo chu vi | Quy định trong Bảng 16<br>Tháo dỡ các nhà có giá đỡ, cầu ống băng ngang đường giao thông. Hoặc các nhà lợp hẹp. |



Không cần làm bãi đỗ xe PCCC tại vị trí có cầu ống băng qua

## 9. YÊU CẦU CAO HƠN ĐỐI VỚI VẬT LIỆU BAO CHE

| QC06-2021   | QC06-2022   | Ghi chú   |
|---|---|---|
| <p>Cho phép sử dụng các kết cấu thép không bọc bảo vệ</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Yêu cầu về E: <b>Không cần thử nghiệm</b> hoặc thuyết minh tính toán nếu <b>thỏa khoảng cách an toàn chống cháy lan</b>. Nếu không, cần tính toán hoặc thử nghiệm.</li> <li>▪ Yêu cầu về R: <b>Có thể bỏ tiêu chí R</b> nếu tấm mái <b>không có tải đặt lên</b>. Nếu không, cần tính toán trong thuyết minh thiết kế hoặc thử nghiệm.</li> </ul> | <p>Khó khăn cho kết cấu vật liệu bao che thép</p> |



Phải chứng minh

Phải chứng minh



# 10. THÊM HƯỚNG TÍNH TOÁN GHCL ĐỐI VỚI KẾT CẤU CHỊU LỰC CỘT KÈO



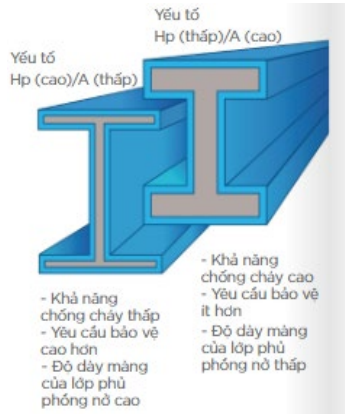
| QC06-2021   | QC06-2022   | Ghi chú  |
|---|---|--|
| <p>Cho phép sử dụng kết cấu thép không bọc bảo vệ.<br/>Test các cấu kiện.</p> | <p>Khi giới hạn chịu lửa tối thiểu của các cấu kiện được yêu cầu là R 15 (RE 15, REI 15) thì cho phép sử dụng các kết cấu thép không bọc bảo vệ nếu giới hạn chịu lửa của chúng theo <b>kết quả thử nghiệm hoặc theo tính toán từ R 8 trở lên, hoặc hệ số tiết diện Am/V nhỏ hơn hoặc bằng 250 m<sup>-1</sup></b></p> | <p>Mục 2.5.3.3 Bảng 4.<br/>Thêm hướng chứng minh GHCL cho kết cấu thép</p> |

## QC06-2021

tiêu chí lựa chọn mẫu thử nghiệm điển hình bọc bảo vệ chống cháy. Sau khi có văn bản trả lời, C07 sẽ tiếp tục hướng dẫn tổ chức thực hiện. (Tại văn bản gửi Bộ Xây dựng, C07 đề xuất giải pháp áp dụng 05 tiêu chí: Hình dạng tiết diện kết cấu; loại kết cấu như dầm hoặc cột ...; chiều dày lớp bảo vệ; mức giới hạn chịu lửa theo yêu cầu; nhiệt độ tới hạn của kết cấu theo yêu cầu thiết kế để phân loại kết cấu chịu lửa trong công trình, sau đó **lựa chọn ra kết cấu có đặc điểm tiết diện làm việc chịu lửa kém nhất (dựa trên hệ số tiết diện Hp/A hoặc V/A)** để lựa chọn mẫu thử nghiệm. Kết quả thử nghiệm chịu lửa thu được từ những mẫu thử nghiệm này sẽ đại diện cho những kết cấu khác trong cùng nhóm, làm căn cứ để đưa ra kết luận về giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện chịu lực, từ đó xác

BẢNG L9: CHIỀU DÀY SƠN ÁP DỤNG CHO CẤU KIỆN CỘT, TIẾP XÚC LỬA NHIỀU NHẤT L4 MẶT, THỜI GIAN ĐẠT ĐẾN NGƯỠNG NHIỆT ĐỘ TỚI HẠN 90 PHÚT (R90)

| Hp/A<br>(m <sup>3</sup> ) | Chiều dày sơn chống cháy theo các mức nhiệt độ tới hạn, mm |       |       |       |       |       |       |       |       |
|---------------------------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|                           | 350°C  | 400°C | 450°C | 500°C | 550°C | 600°C | 650°C | 700°C | 750°C |
| 45                        | 2.559  | 2.000 | 1.545 | 1.166 | 0.846 | 0.572 | 0.335 | 0.310 | 0.310 |
| 50                        | 2.704  | 2.149 | 1.691 | 1.306 | 0.979 | 0.697 | 0.451 | 0.310 | 0.310 |
| 55                        | 2.830  | 2.279 | 1.820 | 1.432 | 1.099 | 0.810 | 0.557 | 0.334 | 0.310 |
| 60                        | 2.940  | 2.395 | 1.936 | 1.545 | 1.207 | 0.913 | 0.654 | 0.424 | 0.310 |
| 65                        | 3.038  | 2.498 | 2.040 | 1.647 | 1.305 | 1.006 | 0.742 | 0.507 | 0.310 |



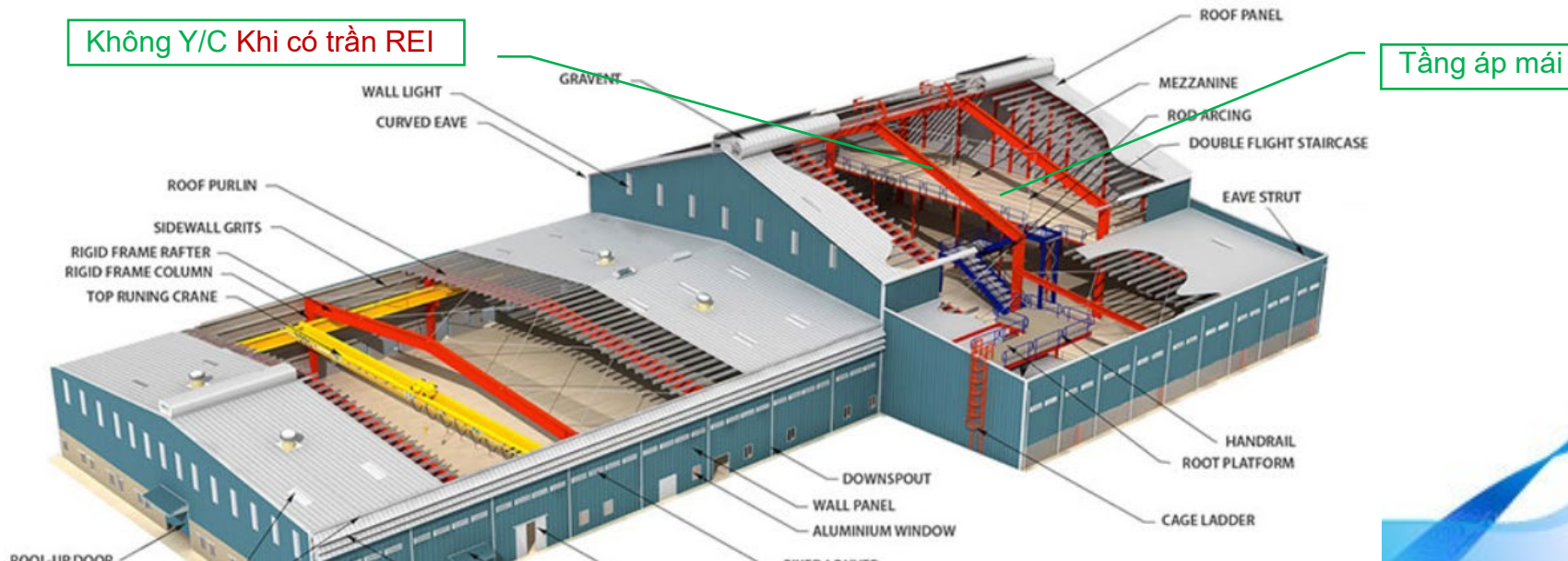
## QC06 - 2022

- Có thể tính toán đạt giới hạn chịu lửa R
- Hoặc kết hợp thuyết minh tính toán + sơn chống cháy.



# 11. GIẢM YÊU CẦU GHCL CỦA CẤU KIỆN MÁI KHI CÓ TRẦN TREO/ BÀN SÀN

| QC06-2021    | QC06-2022   | Ghi chú   |
|--------------|---|---|
| Không đề cập | Không yêu cầu GHCL với kết cấu thép mái khi có tầng áp mái. Nhưng sàn tầng (trần) áp mái phải đạt GHCL. | Tạo điều kiện cho nhà Công nghiệp Nhưng sàn trần treo phải test REI |



## 12. TĂNG DIỆN TÍCH KHOANG CHÁY VÀ CÔNG NĂNG SỬ DỤNG VỚI NHÀ SẢN XUẤT

| QC06-2021   | QC06-2022  | Ghi chú                           |
|---|--|-----------------------------------|
| <p>Bậc I,II :không nói rõ diện tích khoang cháy theo tiêu chuẩn nào</p> <p>Bậc III</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Hạng C: 2600-5200m<sup>2</sup></li><li>Hạng D: 3500-6500m<sup>2</sup></li><li>Hạng E: 3500-7800m<sup>2</sup></li><li>Hạng A,B: Tối thiểu bậc II</li></ul> <p>Bậc IV: 2600-3500m<sup>2</sup>. Chỉ được 1 tầng</p> <p>Bậc V: 1200m<sup>2</sup> (C) và 2600m<sup>2</sup> (E). Chỉ được 1 tầng</p> | <p>Hạng C, D, E: Khoang cháy tăng từ 2 lần đến không hạn chế</p> <p>Hạng A,B: Mở rộng cho bậc III, IV . 1 tầng 3500m<sup>2</sup></p> | <p>Tăng diện tích khoang cháy</p> |

### Nhà sản xuất và nhà kho

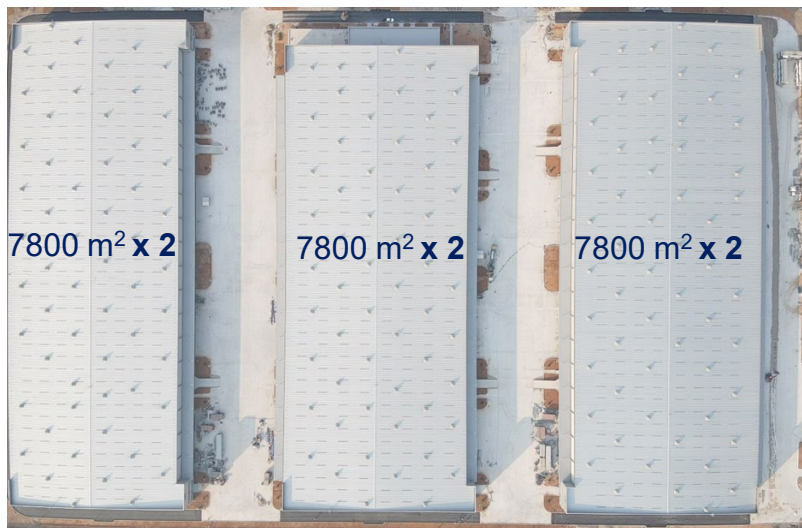
| Hạng sản xuất | Số tầng | Bậc chịu lửa |
|---------------|---------|--------------|
| A, B          | -       | I, II        |
| C, D, E       | >3      | I, II        |
| C             | 2-3     | III          |
| C, D, E       | 1       | IV, V        |



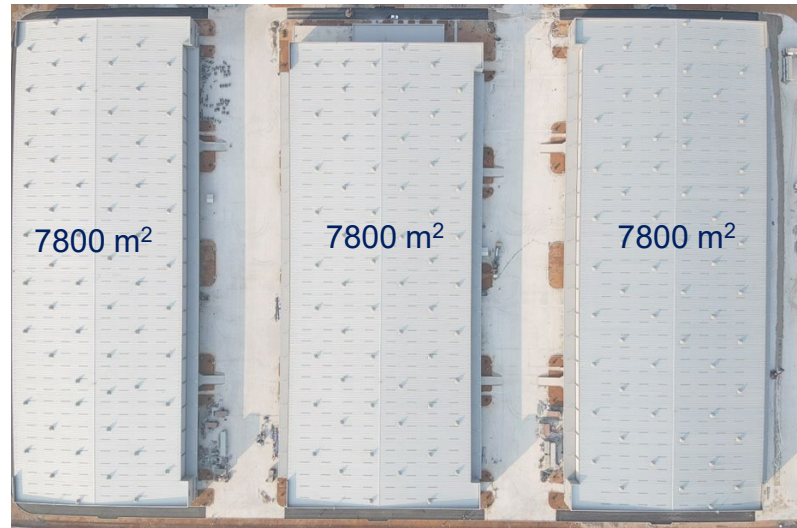


### 13. DIỆN TÍCH KHOANG CHÁY KHÓ HƠN VỚI NHÀ KHO BẬC IV, V

| QC06-2021  | QC06-2022   | Ghi chú                       |
|--|---|-------------------------------|
| Khi trong các <b>gian phòng kho có hệ thống chữa cháy tự động</b> thì được phép tăng lên đối đa <b>2 lần</b> . | Nhà bậc <b>IV và V không được nhân đôi</b> khoang cháy khi có sprinkler | Hạn chế với nhà kho bậc IV, V |



NHÀ KHO HẠNG C BẬC IV, CÓ SPRINKLER



NHÀ KHO HẠNG C BẬC IV, CÓ SPRINKLER

## 14. ĐỊNH NGHĨA RÕ HƠN VỀ KỆ HÀNG CAO TẦNG

QC06-2021

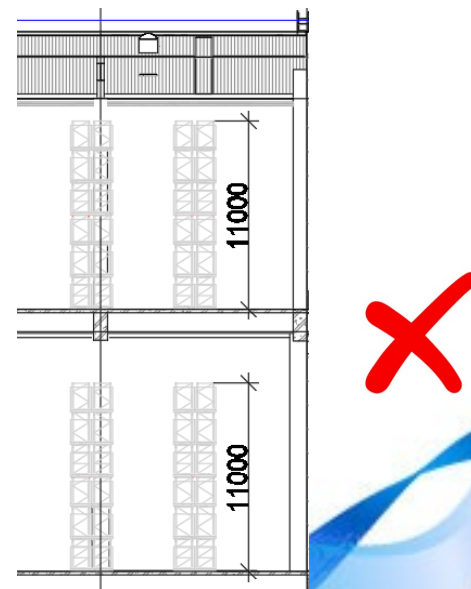
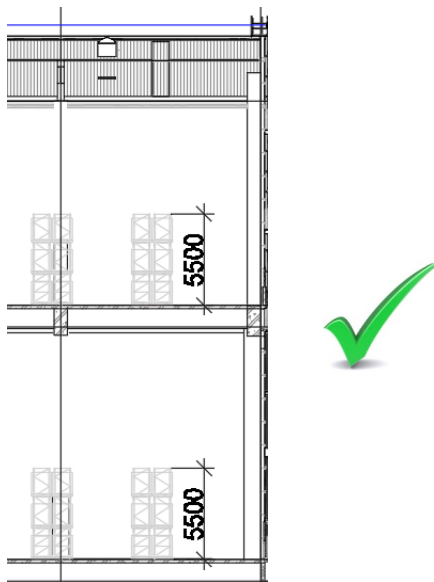
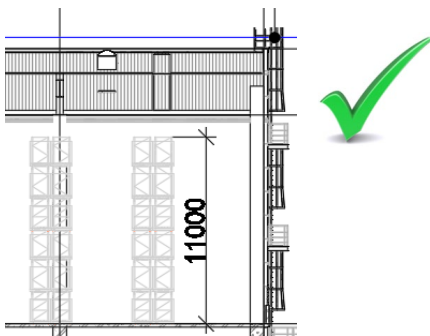
Kho hàng có hạng nguy hiểm cháy nổ C, **giá đỡ nhiều tầng** phải được bố trí trong nhà 1 tầng.

QC06-2022

Kho hàng có hạng nguy hiểm cháy nổ C, **giá đỡ cao tầng** phải được bố trí trong nhà 1 tầng.

Ghi chú

Định nghĩa rõ giá đỡ cao tầng là giá đỡ có chiều cao chất hàng trên 5.5m



## 15. BỎ BỚT CÁC VẬT LIỆU CHỐNG CHÁY KÉM TIN TƯỞNG

| QC06-2021 | QC06-2022   | Ghi chú           |
|-----------|---|-------------------|
|           | <p>Phụ lục F - Tất cả đều phải test với các cấu kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Vách ngăn cháy</li><li>• Cột thép bọc thạch cao, phun vữa</li><li>• Dầm thép bọc thạch cao, phun vữa</li><li>• Cột và dầm bằng nhôm</li><li>• Sàn bằng gỗ</li><li>• Vật liệu kính ngăn cháy</li></ul> | Hạn chế giải pháp |



## THUẬN LỢI HƠN

- Không bắt buộc áp dụng quy chuẩn cho công trình cải tạo, sửa chữa
- Không cần vách ngăn cháy khi công năng phụ <10%
- Giảm yêu cầu chịu lửa với kính, màn ngăn cháy
- Giảm yêu cầu chống cháy của tường ngoài khi đủ điều kiện
- Bỏ yêu cầu chống cháy của tấm lợp mái khi chiều cao mái >6.1m
- Giảm bớt yêu cầu bãi đỗ xe pccc khi vướng cầu ống, giá đỡ
- Tăng diện tích khoang cháy và công năng sử dụng với nhà sản xuất

## THUẬN LỢI & KHÓ KHĂN

- Thêm quy trình nếu cần thay đổi tiêu chuẩn áp dụng
- Thêm định nghĩa khoang cháy, thêm y/c cho vật liệu bao che
- Thêm hướng chứng minh GHCL đối với cấu kiện chịu lực cột kèo
- Giảm yêu cầu GHCL của cấu kiện mái khi có trần treo/ bản sàn

## KHÓ KHĂN HƠN

- Yêu cầu cao hơn đối với vật liệu bao che
- Diện tích khoang cháy khó hơn với nhà kho bậc IV, V
- Định nghĩa rõ hơn về kệ hàng cao tầng
- Bỏ bớt các vật liệu chống cháy kém tin tưởng

Đơn vị thực hiện



CEO FORUM

# HƯỚNG DẪN & THÁO GỖ VƯƠNG MẮC, KHÓ KHĂN

Bảo trợ truyền thông

**Kinh tế Saigon**  
TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO

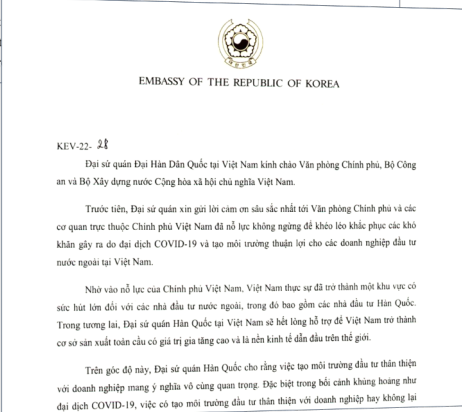
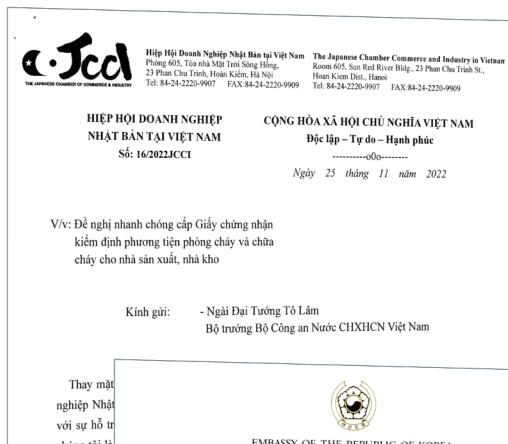


# DOANH NGHIỆP, BÁO CHÍ LÊN TIẾNG VỀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC



Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam  
Đại sứ quán Hàn Quốc

Các báo chí đồng loạt lên tiếng



# CƠ QUAN NHÀ NƯỚC THẢO GIỜ VƯƠNG MẮC CHO DOANH NGHIỆP



Ngày 05/04, Công điện Thủ Tướng

Ngày 11/04, Công văn của Bộ XD & Bộ Công An hướng dẫn tháo gỡ.

**VGP** Công thông tin điện tử Chính phủ  
Số: 220/CD-TTg  
Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2023

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CÔNG ĐIỆN**  
**Về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** điện:

HỎA TỐC

- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương, nhất là Bộ Công an đã tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, có hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, bước đầu đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo chuyển biến tích cực, kiểm chế và giảm cả ba tiêu chí về số vụ, thiệt hại về người và tài sản do cháy gây ra. Tuy nhiên, quá trình rà soát, kiểm tra phát hiện nhiều công trình, cơ sở chưa bảo đảm đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng chống cháy, nổ theo quy định pháp luật, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn, buộc phải tạm dừng hoạt động, làm gián đoạn hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh. Để bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, đồng thời phục vụ có hiệu quả hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành, địa phương:
  - Rà soát chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy để kịp thời sửa đổi, bổ sung ngay theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung; đẩy mạnh cải cách, cắt giảm mạnh thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội.
  - Phân loại cụ thể theo nhóm các công trình, cơ sở có khó khăn, vướng mắc trong việc khắc phục sau kiểm tra, rà soát; chủ động, kịp thời giải đáp, hướng dẫn đầy đủ, cụ thể chi tiết các quy định và giải pháp để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân khắc phục tổng thể các vi phạm, thiếu sót về phòng cháy, chữa cháy của công trình, cơ sở, phục vụ có hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh (hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm 2023).
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc về

**Báo Điện tử Chính phủ**  
Thứ sáu, 14/4/2023 | English | 中文

**Thủ tướng ban hành Công điện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong phòng cháy, chữa cháy**

(Chinhphu.vn) - Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Công điện số 220/CD-TTg ngày 5/4/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy.

**Thủ tướng ra công điện 'gỡ vướng' trong phòng cháy, chữa cháy**

Ngày 5-4, Thủ tướng Phạm Minh Chính ký ban hành công điện số 220 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy.

**BỘ XÂY DỰNG** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1397/BXD-KHCN  
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

V/v ý kiến thống nhất một số nội dung hướng dẫn QCVN 06:2022/BXD

Kính gửi: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH

Bộ Xây dựng nhận Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy của QCVN và có bổ sung thêm nội dung

Trên đây là ý kiến và câu nạn cứu hộ tổng hợp công tác thẩm định/thẩm của pháp luật hiện hành.

Kính gửi: Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tư Điện số 23/DK-HT ngày 09/4/2023 về việc triển khai thực hiện Công điện số 220/CD-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho cơ sở, dự án, công trình trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy (PCCC), sau khi thống nhất với Bộ Xây dựng về một số nội dung dự định QCVN 06:2022/BXD tại Công văn số 1397/BXD-KHCN ngày 11/4/2023 của Bộ Xây dựng, Công văn hướng dẫn Công an các địa phương một số nội dung tháo gỡ vướng mắc trong công tác bảo đảm an toàn PCCC tại phụ lục kèm theo văn bản này.

C07 đề nghị Công an các địa phương nghiên cứu, vận dụng các nội dung hướng dẫn nêu trên để xem xét tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư, chủ cơ sở an, công trình; khẩn trương làm việc, hướng dẫn cho các chủ đầu tư, chủ cơ sở an còn gặp vướng mắc để sớm khắc phục các tồn tại và thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC bảo đảm theo quy định. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phối hợp, báo cáo về C07 để được hướng dẫn, thống nhất thực hiện./P

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- TTX (để báo cáo lãnh đạo Bộ);  
- Đồng chí Cục trưởng (để báo cáo);  
- Các đốc Phó Cục trưởng (để chỉ đạo thực hiện);  
- Các đơn vị thuộc C07 (để thực hiện);  
- Lưu: VT, P3, P4, P7.

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÚ CỤC TRƯỞNG**

Đại tá Bùi Quang Việt



Mái và vách tôn:

- Giới hạn chịu lửa **E không cần thử nghiệm** nếu nhà xưởng **đạt khoảng cách an toàn PCCC** (theo phụ lục E và chú thích 6, bảng 4 QC06:2022). Nếu không, cần tính toán trong thuyết minh hoặc thử nghiệm.
- Giới hạn chịu lửa **R có thể bỏ nếu mái không có tải đặt lên** (VD không đặt tải solar panel). Nếu không, cần tính toán trong thuyết minh hoặc thử nghiệm.  
*(hiện nay tính toán theo EUROCODE & chỉ có một vài đơn vị tính được).*

son chống cháy nhưng chưa kiểm định thì có thể kiểm định bổ sung cho mẫu kết cấu được son chống cháy theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Trường hợp đã thi công son chống cháy nhưng kiểm định không đạt yêu cầu, nếu không thẩm duyệt điều chỉnh thì có thể lựa chọn 1 số loại son chống cháy khác đạt chất lượng để thay thế son chống cháy đã thi công hoặc sử dụng các biện pháp bọc bảo vệ khác.

+ Khoảng cách an toàn PCCC: Theo quy định của QCVN 06:2021/BXD, khoảng cách an toàn PCCC giữa 02 nhà xưởng bậc chịu lửa IV, V yêu cầu không nhỏ hơn 18 m, có thể hướng dẫn thẩm duyệt điều chỉnh áp dụng theo quy định tại Bảng E.3 QCVN 06:2022/BXD để khoảng cách này được giảm xuống, chỉ yêu cầu hơn 6 m khi xác định theo đường giới hoặc đường quy ước.

Cách xác định khoảng cách an toàn PCCC quy định tại Điều 4.33 và Điều E.1, E.2, E.3 Phụ lục E QCVN 06:2022/BXD; có thể xác định khoảng cách an toàn PCCC giữa các công trình theo quy định tại E.1, E.2 hoặc xác định khoảng cách an toàn đến đường ranh giới theo quy định tại E.3.

+ Giới hạn chịu lửa của tường ngoài không chịu lực: Theo quy định của QCVN 06:2021/BXD, tường ngoài không chịu lực của các nhà có bậc chịu lửa I yêu cầu có giới hạn chịu lửa E30, có thể hướng dẫn áp dụng quy định tại E.3 Phụ lục E QCVN 06:2022/BXD và chú thích 6 Bảng 4 QCVN 06:2022/BXD để điều chỉnh thiết kế, không yêu cầu giới hạn chịu lửa tường ngoài. Ví dụ: nhà cao tầng, nhà xưởng khi đã bảo đảm khoảng cách an toàn PCCC và nhà đã trang bị hệ thống chữa cháy tự động thì không cần thiết kê lắp đặt hệ tường, kính mát ngoài bằng

### 1.3. Về tính toán, thiết kế kết cấu chịu lửa

Đối với các công trình có kết cấu cột bê tông cốt thép, sàn từng tầng bằng bê tông cốt thép (đối với nhà nhiều tầng), bộ phận mái dầm, giàn, xà gồ bằng thép không được bảo vệ, khi trong hồ sơ thiết kế tính toán chi rõ bộ phận này không tham gia vào độ bền tổng thể và sự ổn định không gian cho nhà khi có cháy thì có thể xem xét giới hạn chịu lửa của các bộ phận này là kết cấu mái (không phải cột chịu lực và các bộ phận chịu lực khác của nhà); khi đó tùy vào giới hạn chịu lửa của các bộ phận này đạt R15, RE15, R30, RE30 thì xác định bậc chịu lửa của nhà là bậc I hoặc bậc II.

Về xác định hệ số tiết diện Am/V hoặc tính toán R8 với kết cấu thép không bọc bảo vệ khi giới hạn chịu lửa tối thiểu của cấu kiện yêu cầu là R/REI 15 thì chỉ cần yêu cầu chủ đầu tư, tư vấn thiết kế thể hiện tính toán trên hồ sơ thiết kế và kết luận về giới hạn chịu lửa của kết cấu, cần bộ thẩm duyệt không cần thiết phải kiểm tra, đối chiếu lại.

Tường ngoài làm bằng tôn được xác định có giới hạn chịu lửa E15, RE15 khi hồ sơ thiết kế có thuyết minh. **Đồng thời không yêu cầu phải thử nghiệm** để chứng minh giới hạn chịu lửa cho các bộ phận này khi kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

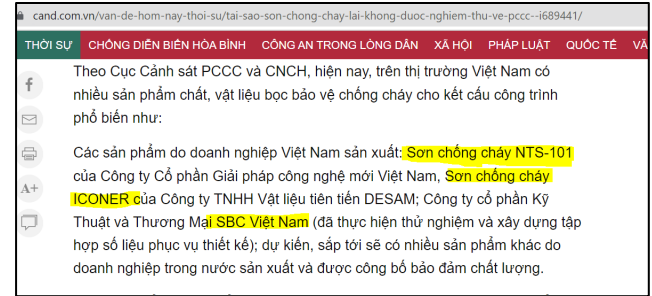
Các tấm lợp mái công trình khi không tham gia vào chịu lực của bộ phận mái thì không yêu cầu về R. Những trường hợp như nhà xưởng nằm độc lập, cách xa nhau, xa khu dân cư, nhà và các công trình khác mà có thể đánh giá loại trừ được khả năng cháy lan thì có thể xem xét giảm tiêu chí E đối với mái.

# MỘT SỐ LOẠI SƠN CHỐNG CHÁY ĐƯỢC CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

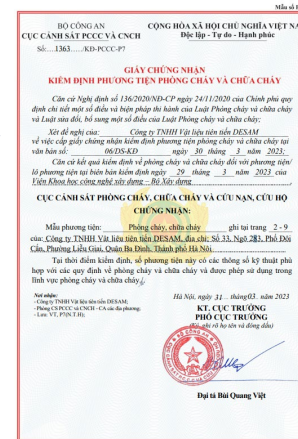


QC06/2022 đã có hướng dẫn vướng mắc cho kết cấu chịu lực:

- Có thể kết hợp tính toán + sơn chống cháy có kiểm định và bảng tra (Hiện nay có 3 nhà cung cấp sơn tại VN đã có kiểm định cho loại nhà xưởng thông dụng)



## Chứng nhận kiểm định vật liệu chống cháy Sơn ICONER Sơn NTS 101



Phạm vi áp dụng trực tiếp kết quả thử nghiệm chịu lửa của mẫu kết cấu:

- Kết cấu cột/dầm thép tiết diện hở (thép hình I, H, L, C, T) có hệ số tiết diện ( $H_p/A$  hoặc  $Am/V$ ) không lớn hơn 341 ( $m^{-1}$ )
- Làm bằng thép có giới hạn chảy  $f_y = 345$  MPa hoặc nhỏ hơn

Đơn vị thực hiện



**Thank you.**



Bảo trợ truyền thông

